

VỀ MỘT CÁCH THỰC HÀNH TIẾP NHẬN VĂN CHƯƠNG (qua *Truyện Kiều*)

NGUYỄN LAI*

Tiếp nhận văn chương thực chất là một quá trình hoạt động vừa tạo nghĩa, vừa chế biến nghĩa từ ngôn ngữ đến hình tượng, bằng năng lực xúc cảm thẩm mỹ theo hướng tư duy hình tượng của chính chủ thể tiếp nhận. Đây là một dạng hoạt động nội tâm mang tính vừa liên thông vừa tích hợp không dễ nhận dạng và kiểm chứng. Hiểu được điều này trong sự rộng mở, ta mới thấu rõ vì sao trong tiếp nhận có hiện tượng: khi học, người học nói được chủ đề tư tưởng ở “đầu ra” theo lời thầy giảng một cách trôi chảy nhưng không có xúc cảm cụ thể nào về hình tượng nhân vật ở “đầu vào”... Để góp phần khắc phục cách học “vô cảm”, chưa đi đúng quỹ đạo tiếp nhận, bài viết lưu ý đến nhận thức về quá trình tiếp nhận. Đặc biệt trước hết là bước nhận thức về tầm quan trọng của năng lực cảm thụ chủ quan của chủ thể tiếp nhận trong cách thực hành tiếp nhận ở đầu vào – một công đoạn khởi phát tư duy hình tượng bắt đầu từ sức mạnh giác quan hoàn toàn mang tính cá thể vốn khó kiểm chứng tại quá trình hình thành đường dây tiếp nhận.

Nhận bài ngày: 6/9/2017; đưa vào biên tập: 10/9/2017; phản biện: 20/9/2017; duyệt đăng: 17/11/2017

1. MỐI QUAN HỆ GIỮA TỪ NGỮ VÀ HÌNH TƯỢNG

Trước hết, từ góc nhìn tiếp nhận, thoát tiên, *Kiều* chỉ là một danh từ riêng đối lập với những từ khác trong văn bản *Truyện Kiều*. Nhưng thông

qua đường dây biểu cảm trong quá trình tiếp nhận, *Kiều* không còn đơn giản là một danh từ riêng nữa, nó đã trở thành một *hình tượng xúc cảm thẩm mỹ* mang thông báo về số phận của một kiếp người phụ nữ bị đọa đày trong nội tâm của chúng ta. Theo cách hiểu trên, nếu mở rộng ra, thì một *Kiều*, một *Kim Trọng*, một *Tú*

* Trường Đại học Thái Bình Dương.

Bà, một Sở Khanh, một Hoạn Thư... mỗi hình tượng được tạo ra ở đây là một phản ứng năng động từ xúc cảm yêu thương giận ghét của chính chúng ta.

Tuy được tạo ra bằng sức mạnh nội tâm nhưng về mặt khách quan, *hình tượng* bao giờ cũng được đối tượng hóa vào những cung bậc khác nhau trong chỉnh thể cấu trúc của tác phẩm văn chương thông qua thế giới *ngôn từ*. Tại đây, đối với người tiếp nhận, nếu không tiếp xúc với *thế giới ngôn từ* thì không có tiền đề phát huy sức sống xúc cảm nội tâm để tạo ra *hình tượng*; và *mặt khác*, nếu không phát huy được năng lực xúc cảm để tạo được *hình tượng* thì không có điều kiện hướng tới *chủ đề tư tưởng* của tác phẩm.

Tại sao chúng ta thán phục nghệ thuật tạo hình của Nguyễn Du qua *Truyện Kiều* với những nét tả Tú Bà “*nhòn nhọt màu da*”, “*cao lớn đầy đà*”?... Phải chăng, qua những từ ngữ trên, tác giả đã khơi dậy *nơi ta* và đánh thức *trong ta* mọi sự căm ghét và ghê tởm, để từ đó *tự ta* có thể làm bật dậy trong nội tâm của *chính ta* hình tượng một mẹ Tú Bà đáng lên án?! Rõ ràng, ở đây, trong tác phẩm văn chương, *ngôn ngữ* là phương tiện gợi dẫn xúc cảm thẩm mỹ để hướng tới *mã hình tượng*. Và cũng đúng vậy, chính vì thế, tại cơ chế tích hợp này, nếu không đặt *ngôn từ* trong mối quan hệ với *hình tượng* thì làm sao ta có thể hiểu hết được tài tình về mặt bút pháp của đại thi hào Nguyễn Du qua cách dùng

“lên”, “thơn thớt nói cười”, “mặt sất đen sì”... để vẽ lên một cách sinh động chân tướng bọn vô lương đáng căm ghét trong *Truyện Kiều* (Sở Khanh, Tú Bà...).

Như vậy, tại công đoạn khảo sát trực tiếp liên quan đến cơ chế tiếp nhận này, vấn đề thực chất nhất cần được quan tâm: đó là *năng lực cảm thụ và chế biến mã ngôn ngữ thành mã hình tượng gắn với hoạt động năng động của chủ thể tiếp nhận*. Không thấy được chỗ tể nhị này thì khó nhận ra được *phẩm chất chủ quan* nằm trong hoạt động mang tính liên thông tạo nên đường dây biểu cảm của quá trình tiếp nhận.

Chính tại đây, năng lực cảm thụ nơi chủ thể tiếp nhận được phát huy tối đa. Và sức sống của đường dây biểu cảm tạo ra hình tượng để hướng tới chủ đề, ở đây có thể xem như là một sự bùng sáng nội tại và tự thân hoàn toàn mang tính cá thể. Khi ở vào trạng thái này của quá trình tiếp nhận, thì từ ngữ nằm trong đường dây biểu cảm nơi nội tâm chúng ta trở thành động lực tạo ra sức sống của hình tượng. Hiểu được cơ chế này, ta càng nhận rõ hơn lời khẳng định sau đây của nhà lý luận văn học Khraprenco (1978: 210): “chức năng miêu tả và biểu cảm của ngôn ngữ được sử dụng trong tác phẩm nghệ thuật ngôn từ trong khi hòa nhập với những thuộc tính giao tiếp, đã tạo ra những mối liên hệ phức tạp và đa dạng giữa cơ sở từ ngữ của tác phẩm với hệ thống hình tượng”.

2. CON ĐƯỜNG ĐỒNG SÁNG TẠO TRONG DẠY VÀ HỌC VĂN CHƯƠNG

Khi ở vào trạng thái trên của quá trình tiếp nhận, người giảng dạy có thể ngầm hiểu rằng: hướng dẫn người học *tiếp nhận* văn chương ở đây chính là làm người học *bộc lộ* nỗi vui buồn giận ghét yêu thương đang có nơi chính mình. Chỉ có qua đó, người học mới có điều kiện thực sự rộng mở các trường cảm xúc để làm định hình nhân vật và hướng tới *chủ đề tư tưởng* một cách đúng quy luật. Không bắt đầu từ xuất phát điểm này, người học không thể tự nâng cao và mở rộng các trường xúc cảm thẩm mỹ nơi chính mình. Hiểu được điều này trong sự rộng mở, ta mới nhìn ra chỗ bất cập dễ thường gặp trong cách giảng dạy văn chương ở các trường học hiện nay. Chẳng hạn, người học thường nắm lấy chủ đề tư tưởng tác phẩm ở *đầu ra* nhưng không thông qua đường dây biểu cảm gắn với quá trình chế biến hình tượng ở *đầu vào*. Theo thói quen nào đó, học sinh ngại học văn thường thuộc lòng chủ đề tư tưởng một cách *vô cảm*. Tức là, khi họ nói lên một cách trôi chảy chủ đề tư tưởng của tác phẩm theo hướng kết luận của thầy giảng thì coi như việc tiếp cận tác phẩm đã xong (dù trước đó họ cảm xúc một cách hời hợt hoặc thậm chí không bày tỏ được một cảm xúc cụ thể gì về hình tượng nhân vật). Tiếp cận văn chương trong sự tách rời giữa ngôn từ và hình tượng một cách vô cảm như vậy thường diễn ra với những mức độ khác nhau.

Nhưng dù khác nhau thế nào, đó cũng là điều không phù hợp với yêu cầu tiếp nhận văn chương. Cách tiếp cận này trước tiên dĩ nhiên không thể nào phát huy được tính chủ động và năng động của người học. Và từ đó, nó không thể nào kích thích sự mở rộng các trường xúc cảm để nâng cao trình độ thẩm mỹ gắn với việc rèn luyện khả năng nhạy bén về mặt tư duy hình tượng, vốn được coi như là cái đích vô cùng quan trọng mà việc học văn cần hướng tới.

Tại đây, để khắc phục tình trạng này, về mặt nhận thức, trước hết người dạy cần đặc biệt lưu ý: quá trình tiếp nhận trong giảng dạy chính là quá trình vừa *phát huy* đồng thời cũng là vừa *kiểm chứng* năng lực thẩm mỹ đích thực của chính mình đối với người học. Vì rằng, như đã nói, qua *đường dây biểu cảm*, hình tượng một Kiều, một Kim Trọng, một Tú Bà, một Sở Khanh, một Hoạn Thư... được tạo ra là một phản ứng năng động từ những xúc cảm yêu thương, giận ghét của chính chúng ta. (Không có sự yêu thương, giận ghét dấy lên trong lòng ta thì ở đây sẽ không có một hình tượng nhân vật đích thực nào cả!). Tại đây, rõ ràng, *thao tác tiếp nhận* sự miêu tả khách thể đồng thời cũng chính là *thao tác tự bộc lộ* của chủ thể. *Thông tin logic* của mã ngôn ngữ chuyển thành *thông tin thẩm mỹ* gắn với mã hình tượng. Đồng thời cũng chính tại đây (chứ không phải nơi nào khác) đã có sự mở rộng chân trời gặp gỡ giữa *lý trí* và *tình cảm* cũng như

giữa *nhân vật*, *tác giả* và *người đọc*. Khi thâm nhập vào đường dây biểu cảm cùng với sự hóa thân vào cuộc đời đầy đau khổ của Kiều thì, dĩ nhiên, người tiếp nhận tự lòng mình, cũng khó trả lời “*Chém cha cái số hoa đào, cởi ra rồi lại buộc vào như chơi*”... Đó là tiếng nói chỉ riêng của lý trí hay vừa của lý trí vừa của tình cảm?!... Đó là nỗi lòng của chỉ riêng Kiều hay vừa của Kiều, vừa của Nguyễn Du và vừa của cả chúng ta?! Đúng vậy, khi thâm nhập vào sức mạnh của đường dây biểu cảm, người dạy không nên quên rằng tính năng động nơi người đọc chính là động lực tạo ra sự giao hòa theo những cung bậc rộng mở khác nhau giữa *lý trí*, *tình cảm* cũng như giữa *tác giả*, *nhân vật* và *người đọc*... để hướng tới các cung bậc đồng sáng tạo...

Như vậy, trong khi vừa nâng cao vừa kiểm chứng quá trình làm rộng mở thế giới nội tâm của người học, đặc biệt là khi người học thông qua ngôn từ, bước vào giai đoạn tự điều chỉnh thế giới nội tâm của mình để hướng tới hình tượng, thì tại đây, người dạy có thể hiểu rằng: đây chính là quá trình mà người học tự làm giàu thêm những sắc thái tâm lý xã hội nhân văn hết sức tinh tế nơi tâm hồn, là đi theo con đường biểu cảm đang rộng mở nơi chính mình trong quá trình tiếp nhận để hướng tới chủ đề của tác phẩm một cách *không vô cảm*. Trong trường hợp này, có thể nói, người học đọc *Truyện Kiều* bằng mắt nhưng đến đây - qua tiếp nhận - người học hiểu

tác phẩm văn chương không phải chỉ bằng mắt mà bằng cả chính trái tim mình. Qua đó, tự phát hiện nỗi lòng mình, phát hiện sắc thái tâm lý xã hội nơi chính mình, để cuối cùng *tự mình* chủ động hướng tới một kết luận rằng: *Truyện Kiều là tác phẩm tố cáo chế độ phong kiến thối nát chà đạp quyền sống của người phụ nữ*...!

Phải chăng, đối với người tiếp nhận, đó là cách tự mình kiểm chứng năng lực thẩm mỹ đích thực của chính mình?!...

Chỉ có thông qua trạng thái trên, chúng ta mới có thể nhận ra được cái bản chất thẩm mỹ sâu kín nhất, riêng tư nhất và khó nhận dạng nhất của văn chương. Và, cuối cùng, chính từ đó, chúng ta có thể hiểu rõ hơn lời khuyến cáo đang giàu tính thời sự sau đây đối với tiếp nhận văn chương của Markievich: “Nếu chỉ đánh giá tác phẩm trên cơ sở quan sát những thuộc tính khách quan của nó, không để ý đến sự tiếp nhận nó như là một đối tượng thẩm mỹ thì đó mới chỉ là phán đoán những tiềm năng về giá trị của tác phẩm”... (dẫn theo Nguyễn Lai 1999: 141).

3. MÁY GHI NHẬN

Tiếp nhận văn chương trong môi trường văn học nghệ thuật bao giờ trước hết cũng là một hoạt động nằm trong đường dây biểu cảm, gắn với sức sống của ngôn từ, vốn được chế biến bằng năng lực cảm thụ chủ quan của *người tiếp nhận*. Do vậy, nếu không thấy được sức năng động chủ

quan của cá thể tạo nên đường dây biểu cảm thông qua thể giới ngôn từ, thì không có tiền đề xuất phát để đi vào cơ chế tiếp nhận.

Đặt vấn đề về *tiếp nhận văn chương thông qua đường dây biểu cảm* trong sự nhấn mạnh quá trình chế biến lớp nghĩa hình tượng từ lớp nghĩa ngôn từ như đã làm, thực chất là nói đến quá trình vừa tạo nghĩa vừa chế biến nghĩa (theo nguyên tắc chuyển mã) để nhận dạng đầy đủ tính chất phức tạp của *quá trình tạo nghĩa* đối với tác phẩm văn chương thông qua người tiếp nhận. Do vậy, nếu không thấy

được cơ chế vừa tạo nghĩa vừa chế biến nghĩa theo nguyên tắc chuyển mã (liên thông cấp độ) thì không có điều kiện nhận thức đầy đủ quy luật chung nhất của quá trình tiếp nhận.

Tiếp nhận văn chương bao giờ cũng là một quá trình đồng sáng tạo thông qua đường dây biểu cảm vốn được xác lập bằng phương tiện ngôn từ. Do vậy, trong giảng dạy, nếu không thông qua đường dây biểu cảm để dẫn người học vào con đường đồng sáng tạo thì quá trình tiếp nhận văn chương sẽ dễ bị lạc vào hướng xã hội học dung tục. □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Khaptrenco, M.B. 1978. *Cá tính sáng tạo của nhà văn và sự phát triển văn học* (người dịch: Lê Sơn - Nguyễn Minh, hiệu đính: Trần Đình Sử). Hà Nội: Nxb. Tác phẩm mới.
2. Nguyễn Du. 1972. *Truyện Kiều*. Hà Nội: Nxb. Đại học và Trung học chuyên nghiệp.
3. Nguyễn Lai. 1998. *Ngôn ngữ với sáng tạo và tiếp nhận văn học*. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.